

Số: /TTYT-KDVTTBYT
V/v mời chào giá thiết bị y tế

Phù Cát, ngày tháng 02 năm 2025

Kính gửi: Các Công ty, đơn vị kinh doanh thiết bị y tế.

Trung tâm Y tế huyện Phù Cát có nhu cầu mua sắm thiết bị y tế năm 2025. Đơn vị kính mời các Công ty/đơn vị kinh doanh, có khả năng cung cấp thiết bị y tế gửi báo giá về Trung tâm để trung tâm có cơ sở tổng hợp, xây dựng dự toán và giá gói thầu mua sắm thiết bị y tế năm 2025, với những nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Phù Cát.

Địa chỉ: Số 12, Đường 3/2, TT Ngô Mây, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định

2. Thông tin người tiếp nhận báo giá:

Ds Trần Hữu Thọ, Trưởng Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế, SĐT: 0914218630, Email: ttytphucatinhding@gmail.com, điện thoại/Fax: 02563750616.

3. Nhận báo giá:

Nhận trực tiếp (hoặc qua đường bưu điện) tại địa chỉ: Phòng Văn thư - Trung tâm Y tế huyện Phù Cát, Địa chỉ: Số 12, Đường 3/2, TT Ngô Mây, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định và gửi trước qua email: ttytphucatinhding@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ 00 phút ngày 13 tháng 02 năm 2025 đến trước 17 giờ 00 phút ngày 24 tháng 02 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu chào giá:

1. Danh mục thiết bị

ST T	Tên thiết bị	Mô tả yêu cầu về cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	Máy thở	Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo	04	Máy
2	Máy theo dõi bệnh nhân	Chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo	03	Máy
3	Bơm tiêm điện	Chi tiết tại phụ lục 3 kèm theo	04	Cái
4	Máy truyền dịch	Chi tiết tại phụ lục 4 kèm theo	08	Máy
5	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	Chi tiết tại phụ lục 5 kèm theo	02	Máy

2. Nội dung chào giá:

Trong bảng chào giá cần đính kèm các tài liệu chứng minh các nội dung về: Chung loại, cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật, hãng/nước sản xuất, năm

sản xuất, catalogue ...; Giấy phép lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có) của thiết bị.

Khi chào giá, đề nghị các Công ty/đơn vị lưu ý những nội dung sau đây:

- Bảng chào giá phải được ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu xác nhận của Công ty/đơn vị;

- Giá hàng hóa đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến việc vận chuyển, bàn giao, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, bảo trì, thuế VAT và các loại phí khác có liên quan;

- Bảng chào giá phải ghi rõ: Ngày báo giá.

- Hiệu lực bảng chào giá (*Tối thiểu 90 ngày*).

- Bảng chào giá phải đầy đủ các thông tin theo mẫu:

Phụ lục 2 đính kèm công văn này.

3. Địa điểm cung cấp, lắp đặt thiết bị: Trung tâm Y tế huyện Phù Cát

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Năm 2025 (tùy theo hợp đồng ký kết).

5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng.

- **Tạm ứng: Không.**

- **Thanh toán hợp đồng:** Theo hóa đơn xuất hàng trong vòng 90 ngày.

Trung tâm Y tế huyện Phù Cát rất mong nhận được bảng chào giá, các tài liệu liên quan của các Công ty/đơn vị và cảm ơn sự hợp tác của quý Công ty/đơn vị./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y tế (báo cáo và đăng tải trên trang TTĐT của Sở);
- Lãnh đạo TTYT;
- Trang TTĐT TTYT;
- Lưu: VT.

Trần Thúc Khả

Phụ lục 1
CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT
MÁY THỞ

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU
I	Yêu cầu chung
1	Nước sản xuất: Sản xuất tại các nước thuộc khối G7 (7 nước có nền công nghiệp tiên tiến)
2	Năm sản xuất: từ năm 2024 trở đi
3	Chất lượng: mới 100%
4	Chứng chỉ chất lượng: ISO 13485, CE/FDA hoặc tương đương.
II.	Yêu cầu cấu hình
1	01 máy chính và các phụ kiện đi kèm
2	Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ
III.	Tính năng, thông số kỹ thuật
1	- Sử dụng được cho các đối tượng (tối thiểu phải có): Người lớn, trẻ em; trẻ sơ sinh
2	- Chế độ thở, kiểu thở (tối thiểu phải có): + Chế độ thở xâm lấn; VCV : thông khí điều khiển thể tích; PCV : thông khí điều khiển áp lực; VSIMV : thông khí bắt buộc ngắt quãng đồng thì kiểm soát thể tích; PSIMV : thông khí bắt buộc ngắt quãng đồng thì kiểm soát áp lực; CPAP/PSV : thở áp lực dương liên tục/hỗ trợ áp lực; PRVC : thông khí kiểm soát áp lực theo mục đích thể tích; V+SIMV (PRVC+SIMV) : thông khí bắt buộc ngắt quãng đồng thì, kiểm soát áp lực đặt theo mục tiêu thể tích; BPAP: tự thở trên 2 mức áp lực; Apnea Ventilation; thông khí dự phòng;... + Chế độ thở không xâm lấn: PCV: thông khí điều khiển áp lực; PSIMV : thông khí bắt buộc ngắt quãng đồng thì kiểm soát áp lực; CPAP/PSV: thở áp lực dương liên tục/hỗ trợ áp lực; BPAP: tự thở trên 2 mức ; APRV : thông khí giải phóng áp lực trên đường thở;...
3	- Thông số điều khiển (tối thiểu phải có): Phần trăm Oxy O2% (FiO2); Thể tích khí lưu thông (Vt) phù hợp người lớn, trẻ em; trẻ sơ sinh. Thể tích phút ; Tần số thở f; Tỷ lệ I:E; Thời gian thở vào (T _{insp}); Áp lực điều khiển Δp_{insp} ; Áp lực hỗ trợ: Δp_{supp} ; Áp lực mức cao Phigh; Áp lực mức thấp Plow; Áp lực dương cuối thời kỳ thở ra PEEP; Trigger dòng; Trigger áp lực;...
4	- Thông số theo dõi (tối thiểu phải có): Áp lực đường thở (Paw); Áp lực đỉnh (Ppeak); Áp lực bình nguyên (Pplat); Áp lực trung bình (Pmean); Áp lực dương cuối thời kỳ thở ra (PEEP); Thể tích phút (MV); Thể tích phút rò rỉ (MV Leak); Thể tích phút tự thở (MV spn); Thể tích khí thở ra (Vte); Thể tích khí thở vào (Vti); Thể tích phút khí

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU
	thở ra chế độ tự thở (VTe spn); Thể tích khí thở ra/ chỉ số trọng lượng cơ thể lý tưởng VTe/IBW; Trở kháng đường thở ra (Re); Trở kháng đường thở vào (Ri); Độ giãn nở phổi động (Cdyn); Độ giãn nở phổi tĩnh (Cstat); Công thở (WOB); Áp lực tắc nghẽn đường thở; Áp lực Dương cuối thời kỳ thở ra điện tử (PEEPi); Phần trăm oxy O2% (FiO2); Dòng (Flow); Biểu đồ thời gian thực: Dạng sóng áp lực/ thời gian; Dạng sóng dòng (Flow)/thời gian; Dạng sóng thể tích/ thời gian; Vòng lặp áp lực-thể tích; Vòng lặp dòng (Flow)/thời gian; Vòng lặp áp lực /dòng Flow;...
5	- Thông khí dự Phòng Apnea Ventilation : Thể tích khí lưu thông (Vtapnea): Người lớn; Trẻ em; Trẻ sơ sinh; Áp lực điều khiển Δp_{apnea} ; Tần số thở fapnea; Thời gian thở vào; Chế độ thở dài Sigh : Công tác sigh : mở, tắt; Chu kỳ sigh; Áp lực Dương cuối thời kỳ thở ra $\Delta_{int.PEEP}$;...
6	- Độ chính xác các thông số điều khiển : O2%; TV (Tidal volume); Tinsp; I:E; giá trị cài đặt F; fSIMV; PEEP...
7	- Độ chính xác các thông số theo dõi : Áp lực đường thở (Ppeak, Pplat, Pmeam, PEEP, PAP, EPAP); Thể tích khí lưu thông TV -Tidal Volume (Tvi, Tve, TVe spn)...
8	- Cài đặt báo động : Thể tích khí lưu thông : mức cao/ mức thấp; Thể tích phút : mức cao/ mức thấp; Áp lực đường thở : mức cao/ mức thấp; Tần số thở: mức cao/ mức thấp; FiO2 mức cao/ mức thấp...
9	- Các yêu cầu khác : Yêu cầu về môi trường; Nguồn điện, pin dự phòng...
IV.	Yêu cầu khác
1	- Bảo hành/ Bảo trì: Tối thiểu 12 tháng. Định kỳ 03 tháng/lần trong thời gian bảo hành
2	- Thời gian cung cấp: Tối đa 180 ngày
3	- Lắp đặt, hướng dẫn sử dụng : Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho đơn vị sử dụng thành thạo, hướng dẫn việc bảo quản thiết bị theo quy định của nhà sản xuất
4	- Giấy phép bán hàng: Có Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, đại lý phân phối
5	- Thời gian cung cấp phụ tùng thay thế, vật tư tiêu hao : Cam kết cung cấp phụ tùng thay thế và vật tư tiêu hao trong vòng tối thiểu 08 năm sau khi bàn giao nghiệm thu thiết bị
6	- Kiểm định hàng hóa: Cam kết chịu trách nhiệm kiểm định và cung cấp giấy chứng nhận kiểm định cho thiết bị có yêu cầu kiểm định theo quy định trước khi nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Phụ lục 2**CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT
MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN**

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU
I	Yêu cầu chung
1	Nước sản xuất: Sản xuất tại các nước thuộc khối G7 (7 nước có nền công nghiệp tiên tiến)
2	Năm sản xuất: từ năm 2024 trở đi
3	Chất lượng: mới 100%
4	Chứng chỉ chất lượng: ISO 13485, CE/FDA hoặc tương đương.
II.	Yêu cầu cấu hình
1	- 01 Máy chính, có máy in nhiệt.
2	- 01 Dây cáp đo tín hiệu ECG (≥ 5 điện cực)
3	- 01 Dây dẫn khí đo huyết áp + bao đo huyết áp
4	- 01 Dây cáp đo SpO ₂ nối dài
5	- 01 Cảm biến đo SpO ₂
6	- 01 Cảm biến nhiệt độ da
7	- 30 Điện cực dán
8	- 02 Cuộn giấy ghi
9	- 01 Pin sạc
10	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ
III.	Tính năng, thông số kỹ thuật
1	- Màn hình màu cảm ứng TFT ≥ 15 inch...
2	- Các chức năng thông số tiêu chuẩn theo dõi chính: ≥ 5 thông số: Nhịp tim (ECG), Nhịp thở (RESP), Huyết áp không xâm lấn (NIBP), Nồng độ bão hòa oxy trong máu (SpO ₂), Nhiệt độ (Temp)...
3	- Thân máy: Kích thước: ≥ 300 mm (cao) \times ≥ 360 mm (rộng) \times ≥ 150 mm (ngang) Ứng dụng: Bệnh nhân người lớn, trẻ em và trẻ sơ sinh
4	Màn hình: Màn hình cảm ứng màu ≥ 15 inch
5	Theo dõi: ≥ 8 dạng sóng
6	Thời gian theo dõi tiêu lượng: 1- 72 giờ
7	- Máy in nhiệt: + có sẵn, màng nhiệt, ≥ 3 kênh

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU
	<ul style="list-style-type: none"> + Độ rộng $\geq 45\text{mm}$ + Giấy ghi $\geq 50\text{mm}$ + Tốc độ 25mm/giây, 50mm/giây
8	<p>- ECG – Điện tim:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đầu vào: Cấp tín hiệu ECG ≥ 5-đạo trình và dây kết nối AAMI tiêu chuẩn + Lựa chọn đạo trình: I, II, III, aVR, aVF, aVL, V, V1-V6, TEST + Dạng sóng ECG: ≥ 7 kênh + Sức chịu điện áp ngõ vào: $\geq 4000\text{VAC}$ 50/60Hz + Tốc độ quét: 12.5, 25, 50 và 100 mm/giây (trái qua phải / phải qua trái) + Dải hiển thị HR: 30~300 nhịp/phút + Cài đặt dây giới hạn: giới hạn mức cao 100~200 nhịp/phút + Cảnh báo: Cảnh báo
9	<p>- RESP – Nhịp hô hấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phương pháp đo: trở kháng RA-LL + Tốc độ quét: 12.5, 25, 50 và 100 mm/giây (trái qua phải / phải qua trái)
10	<p>- Huyết áp không xâm lấn (NIBP):</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phương pháp đo: Đo dao động kế tự động + Chế độ hoạt động: bằng tay / tự động + Khoảng thời gian đo trong Chế độ tự động: 2 phút ~ 4 giờ + Dải đo: <ul style="list-style-type: none"> ++ Người lớn/Trẻ em: Huyết áp tâm thu (SYS): 40~250 mmHg Huyết áp tâm trương (DIA): 15~200 mmHg ++ Trẻ sơ sinh: Huyết áp tâm thu (SYS): 40~135 mmHg Huyết áp tâm trương (DIA): 15~100 mmHg + Bảo vệ chống quá áp: Người lớn 300 mmHg Trẻ sơ sinh 160 mmHg + Cài đặt giới hạn cảnh báo: SYS: 50~240 mmHg DIA: 15~180 mmHg
11	<p>- Nhiệt độ (Temp):</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dải đo: 25~50°C + Độ phân giải hiển thị: 0.1°C + Cài đặt giới hạn cảnh báo: Giới hạn mức cao 0~50°C Giới hạn mức thấp 0~50°C + Kênh: 02 kênh
12	<p>- Độ oxy bão hòa trong máu (SpO₂):</p>

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU
	<ul style="list-style-type: none"> + ASpO₂: SpO₂ chống chuyển động + Dải đo SpO₂%: 0-100% + Dải đo nhịp xung mạch: 30-250 nhịp/phút + Cài đặt giới hạn cảnh báo: Giới hạn mức cao 70~100% Giới hạn mức thấp 70~100% + Đầu dò SpO₂: bước sóng LED ánh sáng đỏ
13	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn điện cung cấp: + Nguồn: Nguồn điện AC ngoài hoặc pin trong + Nguồn điện AC: 100~240VAC, 50/60Hz, 150VA + Pin: có sẵn, có thể sạc + Thời gian hoạt động: ≥ 3 giờ
14	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm môi trường: + Nhiệt độ: <ul style="list-style-type: none"> ++ Hoạt động: 5~40°C ++ Lưu trữ: -20~65°C
15	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm khác: <p>ECG xếp tầng, tiên lượng NIPB trên màn hình (lên đến 250 lần đọc), cài đặt mặc định bởi người sử dụng, phát hiện chứng loạn nhịp tim, phân đoạn ST.</p>
IV.	Yêu cầu khác
1	- Bảo hành/ Bảo trì: Tối thiểu 12 tháng. Định kỳ 03 tháng/lần trong thời gian bảo hành
2	- Thời gian cung cấp: Tối đa 180 ngày
3	- Lắp đặt, hướng dẫn sử dụng : Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho đơn vị sử dụng thành thạo, hướng dẫn việc bảo quản thiết bị theo quy định của nhà sản xuất
4	- Giấy phép bán hàng: Có Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, đại lý phân phối
5	- Thời gian cung cấp phụ tùng thay thế, vật tư tiêu hao: Cam kết cung cấp phụ tùng thay thế và vật tư tiêu hao trong vòng tối thiểu 08 năm sau khi bàn giao nghiệm thu thiết bị
6	- Kiểm định hàng hóa: Cam kết chịu trách nhiệm kiểm định và cung cấp giấy chứng nhận kiểm định cho thiết bị có yêu cầu kiểm định theo quy định trước khi nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Phụ lục 3**CÁU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT
BƠM TIÊM ĐIỆN**

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU
I	Yêu cầu chung
1	Nước sản xuất: Sản xuất tại các nước thuộc khối G7 (7 nước có nền công nghiệp tiên tiến)
2	Năm sản xuất: từ năm 2024 trở đi
3	Chất lượng: mới 100%
4	Chứng chỉ chất lượng: ISO 13485, CE/FDA hoặc tương đương.
5	Nguồn điện: Sử dụng nguồn điện 1 pha, 220 VAC/50Hz
6	Môi trường hoạt động: Phù hợp với môi trường khí hậu ở Việt Nam
II.	Yêu cầu cấu hình
1	Máy chính: 01 máy
2	Giá kẹp cốc truyền: 01 cái
3	Pin theo máy: 01 bộ
4	Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ
III.	Tính năng, thông số kỹ thuật
1	Màn hình LCD ≥ 2.5 inch
2	Sử dụng được tối thiểu các loại bơm tiêm: 10mL, 20mL, 30mL, 50mL của nhiều hãng bơm tiêm
3	Có chế độ đặt liều: Gồm tối thiểu các đơn vị mL/h, $\mu\text{g}/\text{kg}/\text{m}$, $\text{mg}/\text{kg}/\text{h}$...
4	Dải tốc độ tiêm: ≤ 0.1 đến ≥ 1200 ml/h Bước đặt: 0,1 mL/h
5	Thể tích dịch đặt trước trong khoảng từ 0.1 đến 1000.0 ml
6	Chức năng lưu giữ dữ liệu: ≥ 600 mục
7	Báo động tối thiểu có: Tắc nghẽn, gần hết thuốc, bơm tiêm lắp sai, pin yếu, lỗi nguồn, hoàn thành tiêm
8	Chức năng KVO: khi máy đã truyền xong, tự động chuyển sang chế độ giữ ven
9	Chức năng Refresh pin sạc: Thực hiện thao tác làm mới để duy trì hiệu suất của pin.
10	Chức năng nhắc bảo dưỡng định kỳ: Màn hình nhắc nhở hiển thị khi đến thời gian được cài đặt trước

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU
11	Nguồn điện: Nguồn AC, nguồn DC hoặc Pin loại sạc bên trong máy hoạt động liên tục ≥ 10 tiếng khi mất điện
IV.	Yêu cầu khác
1	- Bảo hành/ Bảo trì: Tối thiểu 12 tháng. Định kỳ 03 tháng/lần trong thời gian bảo hành
2	- Thời gian cung cấp: Tối đa 180 ngày
3	- Lắp đặt, hướng dẫn sử dụng : Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho đơn vị sử dụng thành thạo, hướng dẫn việc bảo quản thiết bị theo quy định của nhà sản xuất
4	- Giấy phép bán hàng: Có Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, đại lý phân phối
5	- Thời gian cung cấp phụ tùng thay thế, vật tư tiêu hao : Cam kết cung cấp phụ tùng thay thế và vật tư tiêu hao trong vòng tối thiểu 08 năm sau khi bàn giao nghiệm thu thiết bị
6	- Kiểm định hàng hóa: Cam kết chịu trách nhiệm kiểm định và cung cấp giấy chứng nhận kiểm định cho thiết bị có yêu cầu kiểm định theo quy định trước khi nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Phụ lục 4**CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT
MÁY TRUYỀN DỊCH**

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU
I	Yêu cầu chung
1	Nước sản xuất: Sản xuất tại các nước thuộc khối G7 (7 nước có nền công nghiệp tiên tiến)
2	Năm sản xuất: từ năm 2024 trở đi
3	Chất lượng: mới 100%
4	Chứng chỉ chất lượng: ISO 13485, CE/FDA hoặc tương đương.
5	Nguồn điện: Sử dụng nguồn điện 1 pha, 220 VAC/50Hz
6	Môi trường hoạt động: Phù hợp với môi trường khí hậu ở Việt Nam
II.	Yêu cầu cấu hình
1	Máy chính: 01 máy
2	Giá kẹp cọc truyền: 01 cái
3	Sensor đếm giọt: 01 bộ
4	Pin theo máy: 01 bộ
5	Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ
III.	Tính năng, thông số kỹ thuật
1	Màn hình LED hoặc LCD hiển thị các thông số
2	Tốc độ truyền: $\leq 1 - \geq 300$ ml/h
3	- Bước đặt: $\leq 1 - \geq 99.9$ mL/h (mỗi bước tăng 0.1mL/h)
4	- Bước đặt: $\leq 100 - \geq 300$ mL/h (mỗi bước tăng 1mL/h)
5	Giới hạn thể tích dịch truyền: ≤ 0.1 đến ≥ 9999 ml
6	Tốc độ bơm nhanh: Tốc độ dòng chảy tối đa của bộ dây truyền dịch được sử dụng
7	Bảo động trong tối thiểu các trường hợp: + Tắc đường truyền trên. + Phát hiện chai đựng rộng + Tốc độ truyền bất thường + Lắp sai bộ sensor đếm giọt
8	Các chức năng an toàn tối thiểu có: + Tự cài đặt bộ truyền dịch + Xác nhận kẹp tự động + Chức năng Anti-bolus, chức năng KVO, chức năng Stanby

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU
	+ Chức năng tự động tắt nguồn khi bị tắc đường truyền + Chức năng báo chuyển nguồn cung cấp + Khóa bàn phím hoặc khóa màn hình
9	Các chức năng khác: + Chức năng nhật ký truyền + Có cài đặt ngày giờ + Đèn báo thời gian bảo dưỡng: Khi đến ngày bảo trì đã định đèn báo hiệu sẽ sáng. + Làm tươi pin sạc. + Báo gọi y tá: Khi có bất kỳ báo động xảy ra, tín hiệu báo gọi y tá được phát ra
10	Nguồn điện: Nguồn AC, nguồn DC hoặc Pin loại sạc bên trong máy hoạt động liên tục ≥ 4 tiếng khi mất điện
IV.	Yêu cầu khác
1	- Bảo hành/ Bảo trì: Tối thiểu 12 tháng. Định kỳ 03 tháng/lần trong thời gian bảo hành
2	- Thời gian cung cấp: Tối đa 180 ngày
3	- Lắp đặt, hướng dẫn sử dụng : Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho đơn vị sử dụng thành thạo, hướng dẫn việc bảo quản thiết bị theo quy định của nhà sản xuất
4	- Giấy phép bán hàng: Có Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, đại lý phân phối
5	- Thời gian cung cấp phụ tùng thay thế, vật tư tiêu hao : Cam kết cung cấp phụ tùng thay thế và vật tư tiêu hao trong vòng tối thiểu 08 năm sau khi bàn giao nghiệm thu thiết bị
6	- Kiểm định hàng hóa: Cam kết chịu trách nhiệm kiểm định và cung cấp giấy chứng nhận kiểm định cho thiết bị có yêu cầu kiểm định theo quy định trước khi nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Phụ lục 5

**CÁU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT
MÁY THEO DÕI SẢN KHOA 02 CHỨC NĂNG**

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU
I	Yêu cầu chung
1	Nước sản xuất: Sản xuất tại các nước thuộc khối G7 (7 nước có nền công nghiệp tiên tiến)
2	Năm sản xuất: từ năm 2024 trở đi
3	Chất lượng: mới 100%
4	Chứng chỉ chất lượng: ISO 13485, CE/FDA hoặc tương đương.
II.	Yêu cầu cấu hình
1	01 máy chính và các phụ kiện đi kèm
2	Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ
III.	Tính năng, thông số kỹ thuật
1	- Màn hình: Màn hình cảm ứng màu TFT kích thước $\geq 6,5$ inch, có thể xoay nghiêng và gập lại.
2	- Theo dõi tim thai (tối thiểu phải có): + Sử dụng đầu dò siêu âm Doppler để theo dõi nhịp tim thai. + Có khả năng theo dõi đồng thời lên đến ≥ 3 nhịp tim thai (theo dõi thai ba). + Dải đo nhịp tim thai: 50 - 240 nhịp/phút; độ phân giải hiển thị: 1 nhịp/phút.
3	- Theo dõi cơn co tử cung (tối thiểu phải có): + Sử dụng đầu dò để theo dõi cơn co tử cung. + Đo được sức căng tử cung. + Dải đo: 0 - 100% hoặc 0 - 100 đơn vị.
4	- Đầu dò (tối thiểu phải có): + Đầu dò siêu âm thiết kế chống thấm nước. + Có khả năng tự động nhận biết đầu dò siêu âm.
5	- Tính năng khác (tối thiểu phải có): + Tích hợp máy in giấy nhiệt loại ≥ 6 inch. + Tính năng tự động nhận biết và ghi lại toàn bộ chuyển động của thai nhi. + Có khả năng khôi phục dữ liệu và kiểm tra kênh chéo. + Thời gian khởi động máy < 30 giây. + Có thể nhập thông tin và dữ liệu của bệnh nhân từ bàn phím hiển thị ngay trên màn hình theo dõi.

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU
	+ Có thể truyền các thông số của thai nhi và thai phụ tới hệ thống máy theo dõi sản khoa trung tâm.
IV.	Yêu cầu khác
1	- Bảo hành/ Bảo trì: Tối thiểu 12 tháng. Định kỳ 03 tháng/lần trong thời gian bảo hành
2	- Thời gian cung cấp: Tối đa 180 ngày
3	- Lắp đặt, hướng dẫn sử dụng : Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho đơn vị sử dụng thành thạo, hướng dẫn việc bảo quản thiết bị theo quy định của nhà sản xuất
4	- Giấy phép bán hàng: Có Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, đại lý phân phối
5	- Thời gian cung cấp phụ tùng thay thế, vật tư tiêu hao : Cam kết cung cấp phụ tùng thay thế và vật tư tiêu hao trong vòng tối thiểu 08 năm sau khi bàn giao nghiệm thu thiết bị
6	- Kiểm định hàng hóa: Cam kết chịu trách nhiệm kiểm định và cung cấp giấy chứng nhận kiểm định cho thiết bị có yêu cầu kiểm định theo quy định trước khi nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Phụ lục 2: MẪU CHÀO GIÁ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

_____, ngày ____ tháng ____ năm 2025

Tên Công ty/ đơn vị
Địa chỉ:**BẢNG CHÀO GIÁ****Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Phù Cát.**

Căn cứ Công văn số ____ / TTYT-KDVTTBYYT ngày ____ / ____ /2025 của Trung tâm Y tế huyện Phù Cát về việc mời chào giá thiết bị y tế.

Công ty/đơn vị xin chào giá như sau:

TT	Tên thiết bị	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật	Hãng/ Nước sản xuất	Năm sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành Tiền (đồng)	Ghi chú

*** Ghi chú**

- Ngày chào giá:
- Hiệu lực của bảng chào giá:tháng kể từ ngày ký (Tối thiểu 90 ngày).
- Giá trị hàng hóa trong bảng chào giá đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến việc vận chuyển, bàn giao, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, bảo trì, bảo hành, thuế VAT và các loại phí khác có liên quan.
- Hồ sơ đi kèm bao gồm:
 - + Các tài liệu chứng minh các nội dung về chủng loại, cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật; Hãng/nước sản xuất; catalogue của thiết bị ...
 - + Giấy phép lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu (nếu có).

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY/ĐƠN VỊ**Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu**